TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 42/2020/DS-GĐT
Ngày 07/7/2020
Về "*Tranh chấp đòi lại tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Long.
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dũng và ông Lê Tự.
- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng - Thư ký Tòa án.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Thanh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 07/7/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án "*Tranh chấp đòi lại tài sản*", giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đinh Thị H; cư trú: N, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

2. Bị đơn:
- Bà Lê Thị Thanh H1;
- Ông Phạm Trọng Th;

Cùng cư trú: L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
- Chị Cao Vân A; cư trú: Khu X, Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.
- Công ty cổ phần tư vấn V; địa chỉ: S, phường N, Quận Đ, TP Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Đinh Thị H trình bày do có quen biết với vợ chồng bà Lê Thị Thanh H1, ông Phạm Trọng Th nên bà Đinh Thị H nhờ bà H1, ông Th giới thiệu Công ty cổ phần tư vấn V (sau đây viết tắt là Công ty tư vấn) để tư vấn pháp lý. Ngày 12/3/2009, bà H ký hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn với Công ty tư vấn do ông Bùi Vinh Q làm Tổng giám đốc; phí dịch vụ là 400.000.000 đồng, bà H phải thanh toán trước cho Công ty tư vấn số tiền 200.000.000 đồng. Nhưng do không có tiền nên ngày 24/10/2009, bà H nói với con gái là chị Cao Vân A chuyển cho bà H1, ông Th số tiền 50.000.000 đồng nhờ chuyển cho Công ty tư vấn; bà H1, ông

Th có ký giấy biên nhận tiền ngày 24/10/2009. Tuy nhiên, sau đó không thấy Công ty tư vấn thực hiện tư vấn pháp lý nên bà H yêu cầu vợ chồng bà H1, ông Th trả lại số tiền 50.000.000 đồng; ngày 30/8/2011, phía bà H1 đã trả cho bà H số tiền 5.000.000 đồng. Nay bà H khởi kiện, yêu cầu bà H1, ông Th trả cho bà H số tiền còn lại là 45.000.000 đồng.

Bị đơn bà Lê Thị Thanh H1 trình bày Bà thừa nhận vợ chồng Bà có ký nhận số tiền 50.000.000 đồng trên nhưng khai đã chuyển cho ông Bùi Vinh Q. Sau một thời gian, mẹ con bà H có đòi lại số tiền trên và Bà có đưa 5.000.000 đồng chị A (con bà H) vào ngày 30/8/2011; nay bà H yêu cầu vợ chồng Bà trả lại 45.000.000 đồng thì Bà không có tiền trả, khi nào Bà lấy lại tiền đã đưa ông Q thì Bà trả cho bà H; còn bị đơn ông Phạm Trọng Th thì có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Cao Vân A trình bày, mẹ của chị (bà H) có nói Chị đưa số tiền 50.000.000 đồng cho vợ chồng bà H1 vào ngày 24/10/2009 để chuyển cho ông Q (Tổng giám đốc Công ty tư vấn) nhưng sau đó chưa lần nào phía ông Q trợ giúp pháp lý cho bà H; từ đó, Chị biết vợ chồng bà H1 lừa mẹ của chị nên nhiều lần mẹ con chị gặp vợ chồng bà H1 để đòi lại số tiền trên; tháng 8/2011, vợ chồng bà H1 có trả lại 5.000.000 đồng; số tiền còn lại 45.000.000 đồng, vợ chồng bà H1 có trách nhiệm trả lại cho bà H; đối với phía Công ty tư vấn thì vắng mặt.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2017/DS-ST ngày 31/8/2017, Tòa án nhân dân thành phố N quyết định:

Căn cứ Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 236/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc ông, bà Phạm Trọng Th và Lê Thị Thanh H1 phải trả cho bà Đinh Thị H số tiền 45.000.000đ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

- Ngày 13/9/2017, ông Phạm Trọng Th, bà Lê Thị Thanh H1 có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án dân sự sơ thẩm nêu trên.

- Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 24/2018/DS-PT ngày 13/3/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 236/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội;

Tuyên xử: Sửa bản án sơ thẩm

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị H về việc "Đòi tài sản" là số tiền 45.000.000 đồng đối với bị đơn bà Lê Thị Thanh H1 và ông Phạm Trọng Th.

Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

- Ngày 23/4/2018, bà Đinh Thị H có Đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm.

- Tại Quyết định số 18/2020/KN-DS ngày 01/6/2020, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 24/2018/DS-PT ngày 13/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 24/2018/DS-PT ngày 13/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2017/DS-ST ngày 31/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

- Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng: Việc Tòa án cấp phúc thẩm nhận định: "*Lời trình bày của bà H tại phiên tòa phúc thẩm đã thể hiện rõ bà H1 nói con gái là chị Vân A chuyển tiền cho bà H1 để bà H1 chuyển tiền cho ông Q là vì mục đích công việc của bà H. Bà H hoàn toàn biết có sự bàn bạc, thỏa thuận giữa bà H và bà H1 việc chuyển tiền cho ông Q. Thực tế, bà H1 cũng đã chuyển cho ông Q số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 24/10/2009 (có biên lai chuyển tiền kèm theo)",* để từ đó không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là không hợp lý, bởi lẽ: giữa mục đích công việc mà bà H nhờ bà H1 chuyển tiền cho ông Q với thực tế bà H1 có chuyển cho ông Q hay không là hai vấn đề khác biệt, không Th cho rằng cứ có mục đích trên là chắc chắn có việc bà H1 chuyển tiền. Vấn đề ở đây, là bà H1 phải chứng minh được việc Bà đã chuyển tiền cho ông Q; nhận thấy trong hồ sơ có 04 chứng từ chuyển tiền do bà H1 cung cấp, trong đó thể hiện: *ngày 18/3/2009, ông Th chuyển vào tài khoản ông Q số tiền 50.000.000 đồng, nội dung: Phạm Trọng Th chuyển cho Công ty cổ phần tư vấn V; ngày 02/6/2009, bà Lê Thị Thanh H1 chuyển vào tài khoản ông Bùi Thanh S số tiền 15.000.000 đồng, nội dung: chuyển khoản; ngày 24/11/2009, bà H1 chuyển vào tài*

khoản ông Bùi Thanh S số tiền 100.000.000 đồng, nội dung: chuyển tiền; ngày 13/02/2012, bà H1 chuyển vào tài khoản ông Bùi Vinh Q số tiền 20.000.000 đồng, nội dung: không ghi nội dung chuyển tiền; tuy nhiên, các chứng từ chuyển tiền trên không chứng minh được bà H1, ông Th đã chuyển số tiền 50.000.000 đồng nhận từ chị Cao Vân A ngày 24/10/2009 cho ông Q hoặc Công ty tư vấn, các chứng từ trên không có mối quan hệ với số tiền 50.000.000 đồng nhận từ chị Cao Vân A vào ngày 24/10/2009 cho nên không đủ cơ sở xác định bà H1 đã chuyển số tiền 50.000.000 đồng nhận ngày 24/10/2009 cho ông Q. Do đó, việc Tòa án cấp phúc thẩm nhận định *"thực tế, bà H1 cũng đã chuyển cho ông Q số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 24/10/2009 (có biên lai chuyển tiền kèm theo)"* là không phù hợp với các tài liệu có tại hồ sơ vụ án.

[2]. Như vậy, căn cứ vào Giấy biên nhận ngày 24/10/2009, thể hiện bà H1, ông Th có nhận số tiền 50.000.000 đồng nêu trên nhưng bà H1, ông Th không chứng minh được việc có chuyển giao tiền lại cho ông Q nên bà H1, ông Th phải chịu trách nhiệm về số tiền đã nhận trên và thực tế phía bà H1 cũng đã trả được 5.000.000 đồng cho bà H, cho nên bà H1, ông Th phải tiếp tục có trách nhiệm trả 45.000.000 đồng còn lại.

[3]. Đối với việc Tòa án cấp phúc thẩm nhận định: *"Hơn nữa, bản trình bày của bà H gửi cho Công an Thành phố N (bút lục số 37), bà H đã khẳng định: Số tiền 50.000.000 đồng là do có sự thống nhất của chúng tôi. Nên tôi nhờ cô Hà gửi cho ông Tổng giám đốc Công ty Luật (Bùi Thanh Q) để giải quyết vụ tranh chấp đất đai ở Đồng Nai...và số tiền này tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm...Tôi sẽ trích số tiền lương hưu của tôi là mỗi tháng 500.000 đồng để trả cho Cao Vân A*", thì đây cũng chỉ là nội dung đề cập đến mục đích và trách nhiệm của bà H trả số tiền trên đối với chị A; còn đối với bà H1, ông Th thì vẫn phải có trách nhiệm với bà H như phân tích trên.

[4]. Từ những phân tích trên, cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc bà H1 và ông Th phải trả cho bà H số tiền 45.000.000 đồng là có cơ sở; Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm là không có căn cứ; vì vậy, Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 18/2020/KN-DS ngày 01/6/2020 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 24/2018/DS-PT ngày 13/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2017/DS-ST ngày 31/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy án phúc thẩm nên ông Phạm Trọng Th và bà Lê Thị Thanh H1 không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 337; khoản 2 Điều 343 và Điều 344 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 24/2018/DS-PT ngày 13/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa về vụ án dân sự "*Tranh chấp đòi lại tài sản*" giữa nguyên đơn là bà Đinh Thị H với bị đơn là ông Phạm Trọng Th, bà Lê Thị Thanh H1;

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2017/DS-ST ngày 31/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa;

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Trọng Th và bà Lê Thị Thanh H1 không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông Phạm Trọng Th, bà Lê Thị Thanh H1 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số AA/2016/0007375 ngày 21/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N;

Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
- Tòa án nhân dân thành phố N;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (để thi hành);
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng (để biết);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng lưu trữ; Phòng Giám đốc kiểm tra về DS-LĐ-KDTM và hồ sơ vụ án.

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Long